

Mô đun xử lý
HSW-10-AP-SD-AW
Số bộ phận: 562562

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình làm việc	9 mm...15 mm
Kích thước	10
Hành trình tuyến tính tối đa ở góc xoay 90 °	90/90 mm
Vị trí chờ hành trình Z tối đa	10 mm
Hành trình Z	80 mm...100 mm
Đệm	Bộ giảm chấn hai bên đường đặc tính mềm
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Cấu trúc xây dựng	Dẫn hướng tuyến tính cộng với ổ trục quay Bộ truyền động xoay chuỗi chuyển động cưỡng bức
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Áp suất vận hành	4 bar...8 bar
Thời gian chu kỳ tối thiểu	0.6 s
Độ chính xác lặp lại vị trí cuối	+/-0,02 mm
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...60 °C
Thời điểm tối đa Mx	0.6 N m
Max. Moment My	0.6 N m
Mô-men tối đa Mz	0.6 N m
Tải trọng tối đa	0.5 kg
Lực quá trình cực đại theo phương Y	30 N
Lực lý thuyết ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)	30 N
trọng lượng sản phẩm	1460 g
Kiểu gắn	với lỗ xuyên và vòng măng sông
Cổng nối khí nén vị trí chờ	M5
Cổng nối khí nén	M3
Vật liệu dùng	thép hợp kim cao
Vật liệu phủ	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa

Đặc tính	Giá trị
Vật liệu bộ phận áp suất lò xo	Thép hợp kim cao
Vật liệu tấm cơ sở	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa
Vật liệu gá	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa
Vật liệu thanh dẫn hướng chéo	Thép tôi luyện
Vật liệu cần xoay	Thép cứng đánh bóng
Vật liệu vách ngăn	Thép cứng cứng
Vật liệu ray cảm biến	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa
Vật liệu cầu	Hợp kim nhôm rèn anốt hóa
Vật liệu vít điều chỉnh	thép hợp kim cao